

KẾ HOẠCH

Thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2023 trên địa bàn xã Thượng Lộ

Thực hiện Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030. Kế hoạch số 134/KH-UBND ngày 04/5/2023 của UBND huyện Nam Đông về thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2023 trên địa bàn huyện Nam Đông. UBND xã Thượng Lộ ban hành kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2023 như sau:

I. MỤC ĐÍCH, MỤC TIÊU

1. Mục đích

Tổ chức triển khai thực hiện hiệu quả các nhiệm vụ được giao cho địa phương trong Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 của Thủ tướng Chính phủ và Kế hoạch số 311/KH-UBND ngày 25/8/2022 của UBND tỉnh Thừa Thiên Huế thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 trên địa bàn tỉnh Thừa Thiên Huế.

2. Mục tiêu

Bám sát các mục tiêu, chỉ tiêu tại Quyết định số 466/QĐ-BTTTT ngày 28/3/2023 của Bộ Thông tin và Truyền thông về việc ban hành Kế hoạch hành động năm 2023 triển khai Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số đến năm 2025, định hướng đến năm 2030 theo Quyết định số 411/QĐ-TTg ngày 31/3/2022 và Kế hoạch hoạt động năm 2023 của Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số tỉnh Thừa Thiên Huế.

II. NỘI DUNG THỰC HIỆN

Theo các Phụ lục đính kèm

III. TỔ CHỨC THỰC HIỆN

1. Giao công chức Văn phòng- Thống kê chủ trì, đôn đốc, hướng dẫn các ban ngành, đoàn thể, các đơn vị trên địa bàn xã tổ chức triển khai thực hiện Kế

hoạch; kiểm tra, giám sát, định kỳ tổng hợp, báo cáo UBND huyện (qua Phòng Văn hóa và Thông tin huyện) kết quả triển khai trước ngày 15 tháng 12 năm 2023.

2. Các ban ngành, đoàn thể và các đơn vị được giao nhiệm vụ tại Phụ lục của Kế hoạch này căn cứ nhiệm vụ được giao, chủ động bố trí nguồn kinh phí đã được cấp trong năm 2023 để tổ chức thực hiện.

Trên đây là Kế hoạch thực hiện Chiến lược quốc gia phát triển kinh tế số và xã hội số năm 2023 trên địa bàn xã Thượng Lộ.

Nơi nhận:

- TT. Đảng ủy, HĐND xã;
- Chủ tịch UBND xã;
- Các ban ngành, đoàn thể xã;
- Trạm y tế;
- Trường Tiểu học, Mầm non Thượng Lộ;
- Ban chỉ đạo Chuyển đổi số xã;
- Tổ công nghệ số 03 thôn;
- Lưu: VT.

**TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH**

Hồ Văn Chính

Phụ lục
KẾ HOẠCH HÀNH ĐỘNG CÁC NHIỆM VỤ NĂM 2023
THỰC HIỆN CHIẾN LƯỢC QUỐC GIA PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ
(Kèm theo Kế hoạch số: 61/KH-UBND ngày 05 tháng 5 năm 2023 của UBND xã Thượng Lộ)

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|-----------|---|-----------------|----------|---|-------------------------------|
| A | PHÁT TRIỂN NỀN MÓNG CHO KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ | | | | |
| I | Hoàn thiện thể chế | | | | |
| 1. | Phối hợp xây dựng, báo cáo và tổ chức triển khai khung pháp lý thử nghiệm có kiểm soát (sand box) về công nghệ số | Công chức VP-TK | | Bám sát các văn bản hướng dẫn của Bộ, Ngành Trung ương để có văn bản hướng dẫn kịp thời | - |
| II | Phát triển hạ tầng | | | | |
| 2. | Phối hợp tổ chức triển khai chiến lược, lộ trình số hóa và thông minh hóa các lĩnh vực hạ tầng thiết yếu khác phục vụ kinh tế số và xã hội số gồm: Hạ tầng bưu chính; hạ tầng giao thông; hạ tầng cung cấp điện; hạ tầng thủy lợi và ứng phó với biến đổi khí hậu; hạ tầng đô thị; hạ tầng thương mại, công nghiệp và năng lượng; hạ tầng giáo dục và đào tạo; hạ tầng khoa học và công nghệ; hạ tầng y tế; hạ tầng văn hóa, thể thao, du lịch. | Công chức VP-TK | | Dữ liệu đã được số hóa phục vụ công tác quản lý của các ngành, lĩnh vực và địa phương, thống nhất tập trung lưu trữ tại Trung tâm Giám sát, điều hành đô thị thông minh | |
| 3. | Tập trung nguồn lực để thúc đẩy phát triển doanh nghiệp công nghệ số, nhân lực số. | Công chức VP-TK | | Hỗ trợ, xúc tiến đầu tư các dự án phát triển CNTT | - |
| 4. | Đẩy mạnh phát triển hạ tầng kết nối số cho người dân; phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng đến tất cả các thôn, khu vực dân sinh; tăng nhanh tỷ lệ người | | | Hạ tầng kết nối số, tỷ lệ phủ mạng cáp quang, mạng di động băng rộng, số lượng người dùng Internet, nhất | |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|------------|--|-----------------|----------|--|--|
| | dùng Internet, đặc biệt ở khu vực nông thôn; nâng cao dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng. Phát triển nền tảng địa chỉ số, bản đồ số tạo hạ tầng mềm cho phát triển kinh tế số và xã hội số | Công chức VP-TK | | là khu vực nông thôn, dung lượng kết nối và chất lượng dịch vụ mạng | |
| III | Phát triển nền tảng số | | | | |
| 5. | Xây dựng kế hoạch hành động cụ thể để phát triển và thúc đẩy sử dụng các nền tảng số; nâng cấp nền tảng Hue-S theo hướng cung cấp toàn diện các dịch vụ số của cơ quan nhà nước cho doanh nghiệp và người dân. | Công chức VP-TK | | Giải pháp Ví điện tử Hue-S, Chợ số và các tiện ích cho người dân và doanh nghiệp | |
| 6. | Phối hợp nghiên cứu, xây dựng các cơ chế, chính sách thúc đẩy phát triển cũng như xác định rõ địa vị pháp lý của các nền tảng số quốc gia | Công chức VP-TK | | Hướng dẫn, tuyên truyền sử dụng các nền tảng số quốc gia trê | |
| IV | Phát triển dữ liệu số | | | | |
| 7. | Xây dựng Nền tảng tổng hợp, phân tích dữ liệu tập trung cấp huyện | Công chức VP-TK | | Mô hình dữ liệu tập trung | - |
| V | Đảm bảo an toàn thông tin và an ninh mạng | | | | |
| 8. | Đảm bảo yêu cầu An toàn thông tin mạng mặc định ngay từ khâu thiết kế, xây dựng khi phát triển các hạ tầng số, nền tảng số | Công chức VP-TK | | Các giải pháp về An toàn thông tin mạng | 100% các cơ quan nhà nước được phân loại an toàn thông tin theo cấp độ |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|------------|---|---------------------------|-----------------|--|--|
| 9. | Phát triển nền tảng và tổ chức triển khai dịch vụ an toàn thông tin mạng chuyên nghiệp giúp tổ chức, doanh nghiệp thực hiện mô hình bảo vệ 04 lớp | Công chức VP-TK | | Hướng dẫn các giải pháp dịch vụ an toàn thông tin mạng đến doanh nghiệp, tổ chức | - |
| VI | Phát triển nhân lực số | | | | |
| 10. | Tổ chức triển khai Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM trong giáo dục tiểu học và phổ thông | Trường Tiểu học Thượng Lộ | Công chức VH-XH | Chương trình dạy và học về kỹ năng số và STEM/STEAM | Ít nhất 50% các cơ sở giáo dục triển khai Chương trình |
| 11. | Tham gia các lớp đào tạo về chuyển đổi số trong các lĩnh vực, ngành, nghề | Công chức VH-XH | | Đề án được phê duyệt (theo chỉ đạo và hướng dẫn của Ngành dọc) | - |
| 12. | Định kỳ hàng năm xây dựng báo cáo dự báo về tương lai nghề nghiệp trong lĩnh vực công nghệ thông tin, điện tử - viễn thông, an toàn thông tin mạng để có giải pháp đào tạo phù hợp; cập nhật xu thế và giới thiệu về một số ngành, nghề mới yêu cầu các kỹ năng mới | Công chức VH-XH | | Báo cáo định kỳ | - |
| VII | Phát triển kỹ năng số, công dân số, văn hóa số | | | | |
| 13. | Tham gia các chương trình đào tạo kỹ năng số cơ bản, kỹ năng số nâng cao, kỹ năng kỹ thuật cho các đối tượng là cán bộ lãnh đạo, cán bộ kỹ thuật, công nghệ thông tin và chuyên trách chuyển đổi số và công chức, viên chức, người lao động trong cơ quan nhà nước, trong các doanh nghiệp, hộ sản xuất kinh doanh. | Công chức VP-TK | | Các chương trình đào tạo, tập huấn | - |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|-------------|--|--------------------|--------------|--|-------------------------------|
| 14. | Phối hợp xây dựng chuẩn kỹ năng số cho người sử dụng và nền tảng đánh giá sát hạch kỹ năng số. Hàng năm thực hiện sát hạch, đánh giá, công bố kỹ năng số của học sinh, công chức, viên chức, và người lao động trong các doanh nghiệp, tiến tới toàn dân và có phương án đào tạo, nâng cao kỹ năng số ở các cấp | Công chức VP-TK | | Chương trình đào tạo, tập huấn và sát hạch | - |
| 15. | Triển khai các chương trình thúc đẩy phát triển công dân số rộng khắp; khuyến khích mỗi người dân tuổi thành niên đều có danh tính số, tài khoản số, được trang bị phương tiện số; hỗ trợ triển khai đào tạo, tập huấn về kỹ năng số cho người dân. Khuyến khích người dân sử dụng các thiết bị IoT để quan trắc, giám sát phục vụ đời sống và hoạt động sản xuất, kinh doanh của mình | Công chức VP-TK | | Triển khai rộng khắp thông qua Tổ Công nghệ số cộng đồng | - |
| 16. | Triển khai các chương trình đẩy mạnh phát triển văn hóa số sâu rộng trong các tầng lớp nhân dân. Tuyên truyền, hướng dẫn và khuyến khích người dân truy cập Internet, đăng ký tài khoản và sử dụng các dịch vụ, tiện ích, tài nguyên số trên Internet. Hướng dẫn người dân về các kỹ năng an toàn, bảo mật thông tin cơ bản. | Công chức VP-TK | | Hướng dẫn các Tổ Công nghệ số cộng đồng triển khai | - |
| VIII | Phát triển doanh nghiệp số | | | | |
| 17. | Sử dụng Bộ chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp để làm thước đo chuyển đổi số của doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả các chương trình, kế hoạch hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số. Định kỳ | Công chức VP-TK | Doanh nghiệp | Bộ Chỉ số đo lường theo Quyết định số 1970/QĐ-BTTTT ngày 13/12/2021 của Bộ Thông tin và Truyền thông | - |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|-----------|--|-------------------------------|--------------|---|---|
| | tổ chức khảo sát đánh giá mức độ chuyển đổi số của các doanh nghiệp theo ngành, lĩnh vực, địa bàn | | | | |
| 18. | Triển khai Chương trình xác định Chỉ số đánh giá mức độ chuyển đổi số doanh nghiệp và Hỗ trợ doanh nghiệp chuyển đổi số trong ngành, lĩnh vực, địa bàn; chỉ đạo, đôn đốc doanh nghiệp trong ngành, lĩnh vực, địa bàn tích cực tham gia. Có chính sách ưu đãi, khuyến khích doanh nghiệp nỗ lực đạt mức độ chuyển đổi số cao để hình thành các doanh nghiệp số; nhắc nhở, đôn đốc các doanh nghiệp chậm chuyển đổi số | Công chức VP-TK | Doanh nghiệp | Đo lường kết quả chuyển đổi số của các doanh nghiệp và đánh giá hiệu quả thực hiện | - |
| IX | Phát triển thanh toán số | | | | |
| 19. | Triển khai Chương trình hỗ trợ bệnh viện, trường học thực hiện thanh toán không dùng tiền mặt và chuyển đổi số quản trị hoạt động của đơn vị | Công chức VP-TK | | Triển khai Ví điện tử Hue-S, các phương thức thanh toán trực tuyến trong các cơ sở y tế | 100% các cơ sở y tế sử dụng Ví điện tử Hue-S hoặc các phương thức thanh toán trực tuyến khác theo quy định. |
| B | PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ NGÀNH, LĨNH VỰC | | | | |
| I | Phát triển kinh tế số, xã hội số nông nghiệp và nông thôn | | | | |
| 20. | Triển khai các nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn chủ trì. | Công chức ĐC, XD- NN&MT | | Theo Kế hoạch của ngành Nông nghiệp và PTNT | - |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|------------|--|------------------------------------|-----------|--|-------------------------------|
| II | Phát triển kinh tế số, xã hội số trong y tế | | | | |
| 21. | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Y tế chủ trì. | Công chức VP-TK | Trạm y tế | Theo Kế hoạch của ngành Y tế | - |
| III | Phát triển kinh tế số, xã hội số trong giáo dục và đào tạo | | | | |
| 22. | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Giáo dục và Đào tạo chủ trì. | Trường Tiểu học, Mầm non Thượng Lộ | | Theo Kế hoạch của ngành Giáo dục và Đào tạo | - |
| IV | Phát triển kinh tế số, xã hội số trong lĩnh vực lao động, việc làm và an sinh xã hội | | | | |
| 23. | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Lao động – Thương binh và xã hội chủ trì. | Công chức VH-XH | | Theo Kế hoạch của ngành Lao động – TB&XH | - |
| V | Phát triển kinh tế số thương mại, công nghiệp và năng lượng | | | | |
| V.1 | Thương mại | | | | |
| 24. | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Công Thương chủ trì. | Công chức ĐC,XD-NN&MT | | Theo Kế hoạch của ngành Công thương | - |
| 25. | Hỗ trợ người dân đưa sản phẩm dịch vụ của mình lên các sàn thương mại điện tử để mỗi một người dân là một doanh nhân | Công chức ĐC,XD-NN&MT | | Các sản phẩm OCOP lên ứng dụng Chợ số trên nền tảng số Hue-S | - |
| V.2 | Công nghiệp và Năng lượng | | | | |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|-------------|---|-----------------------|---------------------------------|---|---------------------------------------|
| 26. | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng do Bộ Công Thương chủ trì. | Công chức ĐC,XD-NN&MT | | Theo Kế hoạch của ngành Công thương | - |
| VI | Phát triển kinh tế số văn hóa thể thao du lịch | | | | |
| 27. | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng mà Bộ Văn hóa, Thể thao và Du lịch chủ trì. | Công chức VH-XH | | Theo Kế hoạch của ngành Văn hóa, Thể thao và Du lịch | - |
| VII | Phát triển kinh tế số Tài nguyên và Môi trường | | | | |
| 28. | Triển khai các kế hoạch, nhiệm vụ, nền tảng mà Bộ Tài nguyên và Môi trường chủ trì. | Công chức ĐC,XD-NN&MT | Các cơ quan, đơn vị, địa phương | Theo Kế hoạch của ngành Tài nguyên và Môi trường | - |
| VIII | Phát triển kinh tế số trong các ngành, lĩnh vực, địa phương | | | | |
| 29. | Xây dựng và tổ chức triển khai Kế hoạch hành động phát triển kinh tế số và xã hội số trong ngành, lĩnh vực, địa phương | Công chức VP-TK | | Kế hoạch Chuyển đổi số từng ngành và từng địa phương năm 2023 | - |
| 30. | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng dữ liệu số ngành, lĩnh vực, địa phương | Công chức VP-TK | | Nền tảng dữ liệu số chuyên ngành tập trung trên Hue-S | - |
| 31. | Xây dựng và tổ chức triển khai Nền tảng số chuyên ngành, nền tảng quản trị và kinh doanh theo từng lĩnh vực phục vụ chuyển đổi số cho các doanh nghiệp, cơ sở sản xuất kinh doanh trong ngành, lĩnh vực, địa phương | Công chức VP-TK | | Các dịch vụ, giải pháp và ứng dụng trên nền tảng số Hue-S | - |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|------------|---|-----------------|------------------|--|---------------------------------------|
| 32. | Tham gia đào tạo kỹ năng số chuyên ngành cho lực lượng lao động trong ngành, lĩnh vực, địa bàn | Công chức VP-TK | | Các chương trình đào tạo kỹ năng chuyên ngành cho lực lượng lao động | - |
| C | CÁC GIẢI PHÁP PHÁT TRIỂN KINH TẾ SỐ VÀ XÃ HỘI SỐ | | | | |
| I | Tổ chức, bộ máy, mạng lưới | | | | |
| 33. | Kiện toàn và tổ chức hiệu quả hoạt động Ban chỉ đạo chuyển đổi số xã do người đứng đầu làm Trưởng ban. | Công chức VP-TK | | Văn bản kiện toàn Ban Chỉ đạo và Kế hoạch hoạt động năm 2023 | - |
| 34. | Tổ chức các Tổ công nghệ số cộng đồng đến từng khu phố, thôn | Công chức VP-TK | | Văn bản kiện toàn Tổ Công nghệ số cộng đồng | - |
| II | Hợp tác trong nước về phát triển kinh tế số, xã hội số | | | | |
| 35. | Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc nghiên cứu, phát triển các nền tảng số xuất sắc, chất lượng cao | Công chức VP-TK | Các doanh nghiệp | Theo Chương trình, Kế hoạch của các đơn vị | - |
| 36. | Hợp tác giữa cơ quan nhà nước và doanh nghiệp nền tảng số trong việc tuyên truyền, phổ biến, tập huấn kỹ năng số cho người dân thông qua việc sử dụng nền tảng số | Công chức VP-TK | Các doanh nghiệp | Theo Chương trình, Kế hoạch của các Sở, Ngành | - |
| III | Hợp tác quốc tế về phát triển kinh tế số, xã hội số | | | | |
| 37. | Chủ động, tích cực tham gia các tổ chức quốc tế, các sáng kiến về kinh tế số, xã hội số | Công chức VP-TK | | Tham gia các Diễn đàn, Hội thảo, Triển lãm về CĐS | - |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|-----------|--|-----------------------|----------|---|-------------------------------|
| 38. | Thực thi nghiêm túc, hiệu quả các cam kết quốc tế, trong đó có các cam kết liên quan đến kinh tế số, thương mại số và đặc biệt là trong xây dựng Cộng đồng kinh tế ASEAN (AEC) và các hiệp định thương mại tự do (FTA) mà Việt Nam là thành viên | Công chức VP-TK | | Theo Chương trình, Kế hoạch của các Bộ, Ngành Trung ương | - |
| IV | Nghiên cứu, phát triển về kinh tế số và xã hội số | | | | |
| 39. | Thúc đẩy nghiên cứu, phát triển, ứng dụng các công nghệ số mới, kết hợp với các công nghệ mở, mã nguồn mở để phát triển các nền tảng số phục vụ phát triển kinh tế số, xã hội số | Công chức ĐC,XD-NN&MT | | Các công nghệ mới, công nghệ mở dựa trên Trí tuệ nhân tạo | - |
| 40. | Xây dựng và triển khai các chương trình nghiên cứu, ứng dụng các công nghệ số mới để tạo ra những nền tảng, sản phẩm, dịch vụ số mang đặc thù | Công chức ĐC,XD-NN&MT | | Tìm kiếm các giải pháp, công nghệ mới thông qua Hội thi Sáng tạo Kỹ thuật | - |
| 41. | Tổ chức tìm kiếm, có chính sách hấp dẫn để thúc đẩy mạnh mẽ khởi nghiệp sáng tạo về kinh tế số, đặc biệt là kinh tế số nền tảng và kinh doanh trực tuyến | Công chức ĐC,XD-NN&MT | | Tìm kiếm các ý tưởng mới thông qua Cuộc thi Khởi nghiệp đổi mới sáng tạo | - |
| 42. | Xây dựng các nhóm, tổ nghiên cứu phát triển, thử nghiệm, ươm tạo, hỗ trợ khởi nghiệp phát triển kinh tế số | Công chức ĐC,XD-NN&MT | | | -- |
| V | Tuyên truyền, phổ biến, nâng cao nhận thức về kinh tế số và xã hội số | | | | |
| 43. | Tổ chức tuyên truyền, phổ biến, tập huấn về các nền tảng số quốc gia, các mô hình kinh tế số, xã hội số điển hình trên hệ thống truyền thông cấp tỉnh đến cấp | Công chức VH-XH | | Triển khai Kế hoạch tập huấn về CDS năm 2023 | - |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|------------|---|--------------------|----------|--|-------------------------------|
| | xã. Phát triển các kênh tư vấn, hỏi đáp, trợ lý ảo về kinh tế số, xã hội số, hỗ trợ người dân nâng cao kỹ năng số, sử dụng nền tảng số, dịch vụ số và công nghệ số | | | | |
| 44. | Sản xuất các tin, bài, phóng sự, câu chuyện, phim tài liệu về kinh tế số, xã hội số trên phát thanh, truyền hình; tìm kiếm, phổ biến kinh nghiệm, câu chuyện thành công về phát triển kinh tế số và xã hội số; mở các chuyên trang, chuyên mục tuyên truyền về kinh tế số và xã hội số trên các kênh có đông khán thính giả | Công chức VH-XH | | Triển khai tuyên truyền thông qua Hệ thống Thông tin nguồn, các cơ quan báo chí và Truyền thanh thông minh | - |
| VI | Đo lường, giám sát triển khai | | | | |
| 45. | Hàng năm phối hợp thực hiện điều tra, khảo sát, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường các chỉ tiêu kinh tế số và các mục tiêu cơ bản về kinh tế số và xã hội số đặt ra tại Kế hoạch này ở cấp độ huyện và xã | Công chức VP-TK | | Đánh giá, đo lường Kinh tế số | - |
| 46. | Định kỳ hàng năm phối hợp thực hiện điều tra, thu thập, công bố kết quả thống kê, đo lường về xã hội số | Công chức VP-TK | | Bộ kết quả Chỉ số Chuyển đổi số cấp huyện/xã | - |
| VII | Bảo đảm kinh phí cho phát triển kinh tế số và xã hội số | | | | |
| 47. | Huy động tối đa các nguồn kinh phí để thực hiện Kế hoạch này bao gồm: Ngân sách nhà nước; nguồn đầu tư của doanh nghiệp, khu vực tư nhân, cộng đồng và các nguồn kinh phí hợp pháp khác | Công Chức TC-KT | | Theo Kế hoạch hoạt động Ban Chỉ đạo Chuyển đổi số huyện năm 2023 | - |

| TT | Nhiệm vụ, giải pháp | Chủ trì | Phối hợp | Kết quả, sản phẩm | Chỉ tiêu đánh giá (nếu có) |
|-------------|--|--------------------|----------|---|-------------------------------|
| 48. | Ưu tiên kinh phí từ ngân sách nhà nước để thực hiện các nhiệm vụ phát triển nền móng kinh tế số và xã hội số, phát triển kinh tế số và xã hội số ngành và lĩnh vực và các nhiệm vụ, giải pháp thuộc Kế hoạch này do cơ quan nhà nước chủ trì thực hiện | Công Chức TC-KT | | Triển khai các nội dung theo Kế hoạch Ngân sách và Đầu tư công năm 2023 | - |
| VIII | Giảm thiểu các tác động tiêu cực của công nghệ số | | | | |
| 49. | Đánh giá tác động của phát triển kinh tế số, xã hội số và đề xuất các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số. Triển khai các giải pháp nhằm giảm thiểu bất bình đẳng, thu hẹp khoảng cách và giảm tác động tiêu cực của quá trình phát triển kinh tế số, xã hội số theo chương trình, kế hoạch của trung ương | Công chức VH-XH | | Theo Chương trình, Kế hoạch của ngành Lao động, TB&XH | - |
| 50. | Đánh giá các tác động của công nghệ số đến xã hội để có các giải pháp chủ động giảm thiểu ảnh hưởng tiêu cực của công nghệ số theo chương trình, kế hoạch của trung ương | Công chức VH-XH | | Theo Chương trình, Kế hoạch của ngành Lao động, TB&XH | - |